

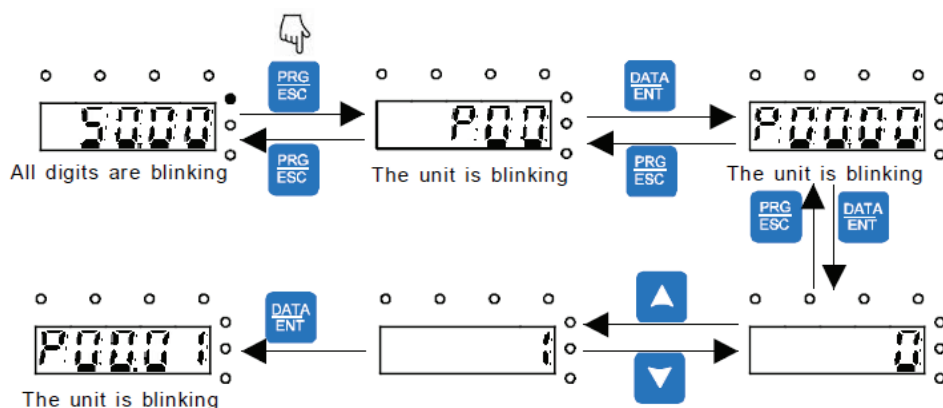
THÔNG SỐ CƠ BẢN BIẾN TẦN GD200A (0.75 ~ 15kW)

1. Cài đặt thông số

THÔNG SỐ	GIÁ TRỊ	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI
P00.00	2		Chế độ chạy V/F
P00.01	1		Chọn lệnh chạy/dừng từ terminal P00.01=0 : chọn lệnh chạy/dừng từ bàn phím (phím RUN / STOP)
P00.03	50.00	Hz	Tần số MAX, phải đặt lớn hơn hoặc bằng tần số định mức của motor
P00.04	50.00	Hz	Tần số ngưỡng trên
P00.05	00.00	Hz	Tần số ngưỡng dưới
P00.07	03		
P00.06	02		Chọn nguồn đặt tốc độ bằng biến trở ngoài ngõ vào AI2 ; P00.06=00 : Chọn nguồn đặt tốc độ bằng bàn phím (▼ / ▲) P00.06=01 : Chọn nguồn đặt tốc độ bằng biến trở trên bàn phím.
P00.11	...	Giây	Thời gian tăng tốc (thời gian từ 0Hz đến tần số MAX)
P00.12	...	Giây	Thời gian giảm tốc (thắng động năng từ tần số MAX về 0Hz)
P01.18	0		Cấm chạy nếu S1 – COM nối sẵn khi cấp nguồn P01.18=1 : Cho phép chạy nếu S1 – COM nối sẵn khi cấp nguồn
P04.01	2.0	%	Bù moment khởi động ở tần số thấp
P04.09	000.0	%	Tắt hệ số bù trượt cho motor
P05.01	1		Chức năng chân S1: chạy thuận
P05.02	2		Chức năng chân S2: chạy ngược
P02.01	...	kW	Công suất định mức của motor
P02.02	...	Hz	Tần số định mức của motor
P02.03	...	RPM	Tốc độ định mức của motor
P02.04	...	V	Điện áp định mức của motor
P02.05	...	A	Cường độ dòng điện định mức của motor

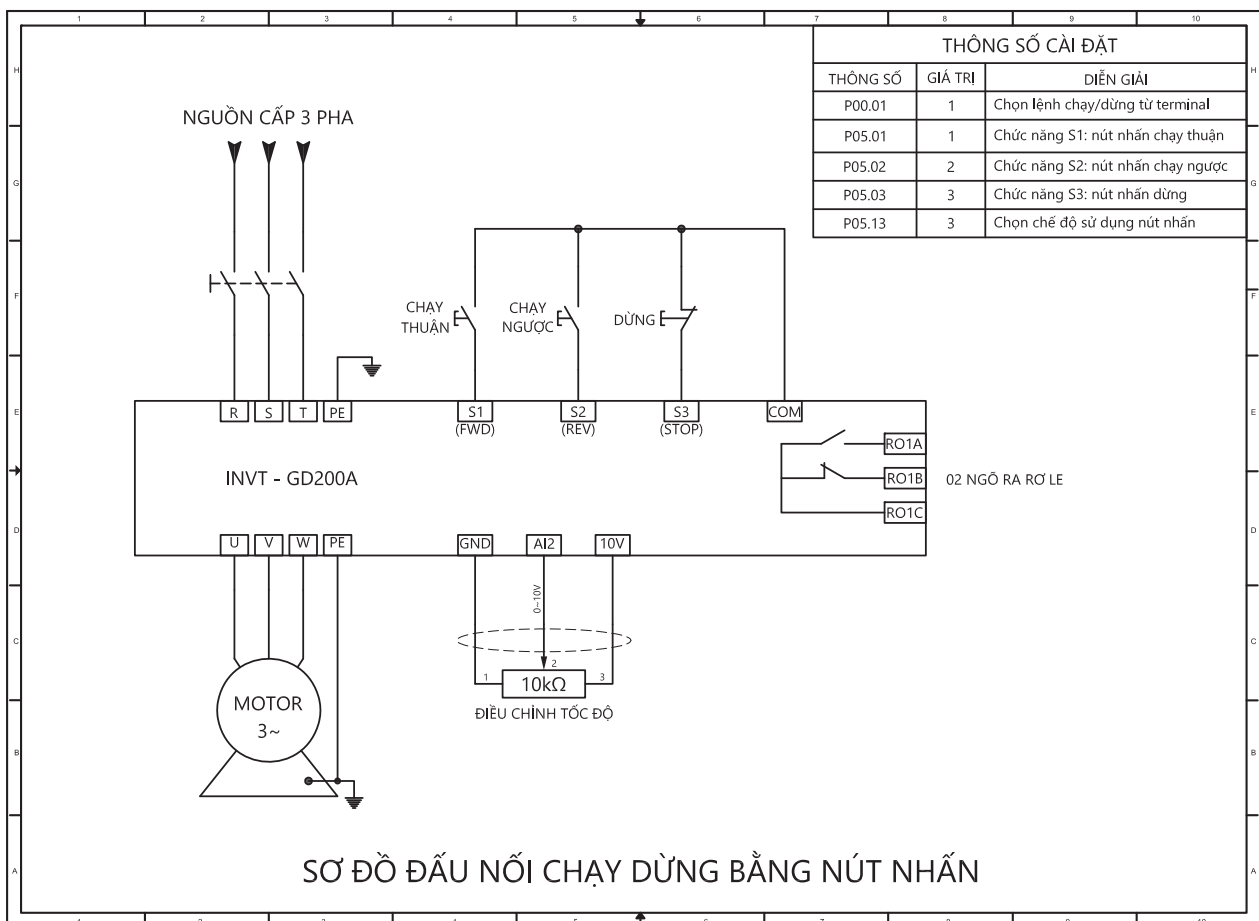
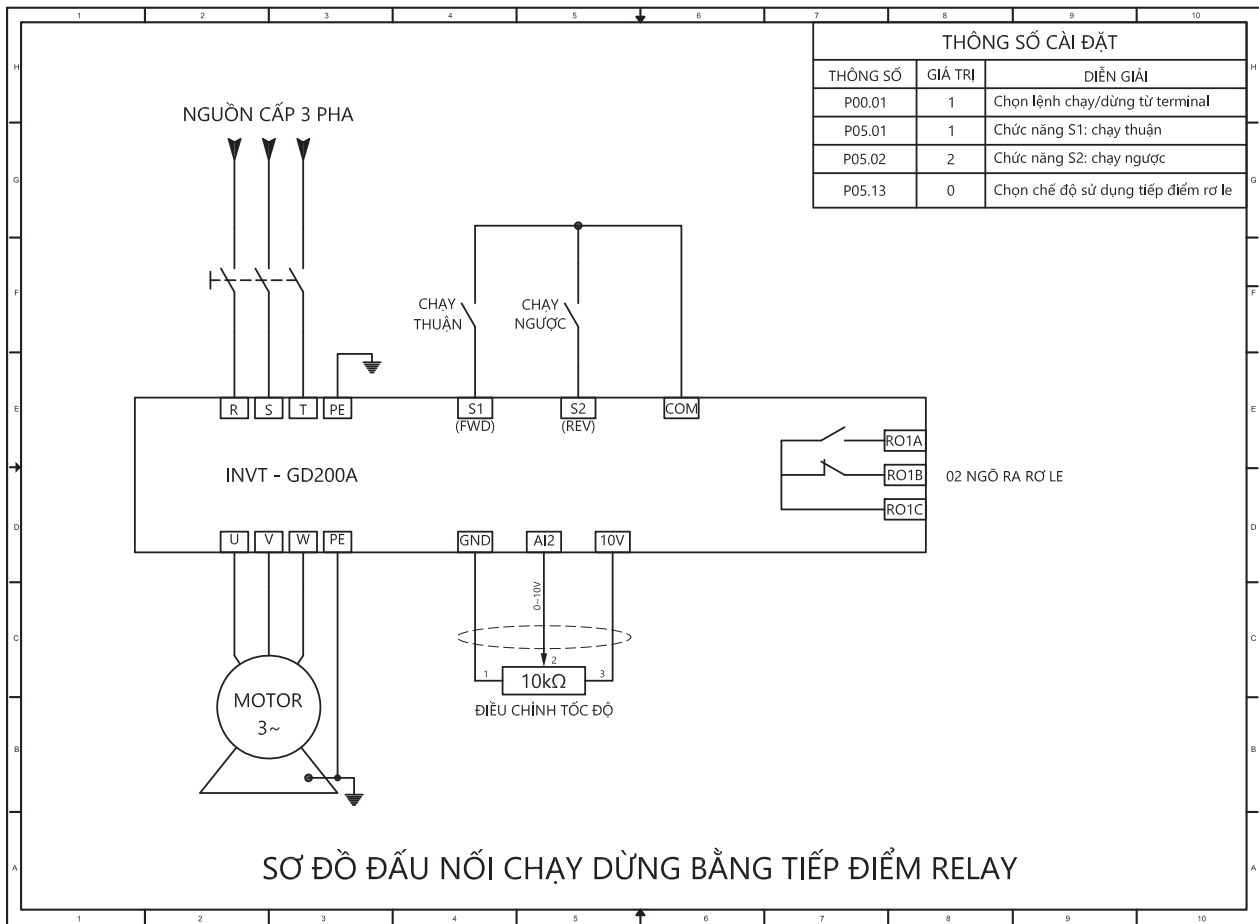
2. Cách nhập thông số

- Cách nhập thông số theo lưu đồ sau:



- Lưu ý:
 - Phím SHIFT dùng để thay đổi hiển thị của tần số đặt, tốc độ motor, cường độ dòng điện motor... (Các đèn trạng thái tương ứng với dữ liệu hiển thị).
 - Cài đặt lại thông số mặc định theo nhà sản xuất: **P00.18 = 1**

Tham khảo tài liệu GD200A series inverter để biết thêm rất nhiều chức năng khác.



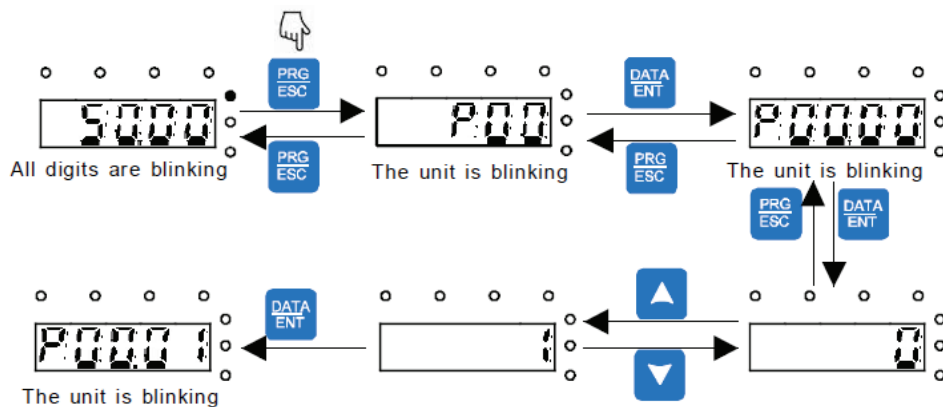
THÔNG SỐ CƠ BẢN BIẾN TẦN GD200A (18.5 ~ 500kW)

1. Cài đặt thông số

THÔNG SỐ	GIÁ TRỊ	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI
P00.00	2		Chế độ chạy V/F
P00.01	1		Chọn lệnh chạy/dừng từ terminal P00.01=0 : chọn lệnh chạy/dừng từ bàn phím (phím RUN / STOP)
P00.03	50.00	Hz	Tần số MAX, phải đặt lớn hơn hoặc bằng tần số định mức của motor
P00.04	50.00	Hz	Tần số ngưỡng trên
P00.05	00.00	Hz	Tần số ngưỡng dưới
P00.07	03		
P00.06	02		Chọn nguồn đặt tốc độ bằng biến trở ngoài ngõ vào A12 ; P00.06=00 : Chọn nguồn đặt tốc độ bằng bàn phím (▼ / ▲) hoặc biến trở trên bàn phím.
P00.11	...	Giây	Thời gian tăng tốc (thời gian từ 0Hz đến tần số MAX)
P00.12	...	Giây	Thời gian giảm tốc (thẳng động năng từ tần số MAX về 0Hz)
P01.18	0		Cấm chạy nếu S1 – COM nối sẵn khi cấp nguồn P01.18=1 : Cho phép chạy nếu S1 – COM nối sẵn khi cấp nguồn
P04.01	2.0	%	Bù moment khởi động ở tần số thấp
P04.09	000.0	%	Tắt hệ số bù trượt cho motor
P05.01	1		Chức năng chân S1: chạy thuận
P05.02	2		Chức năng chân S2: chạy ngược
P02.01	...	kW	Công suất định mức của motor
P02.02	...	Hz	Tần số định mức của motor
P02.03	...	RPM	Tốc độ định mức của motor
P02.04	...	V	Điện áp định mức của motor
P02.05	...	A	Cường độ dòng điện định mức của motor

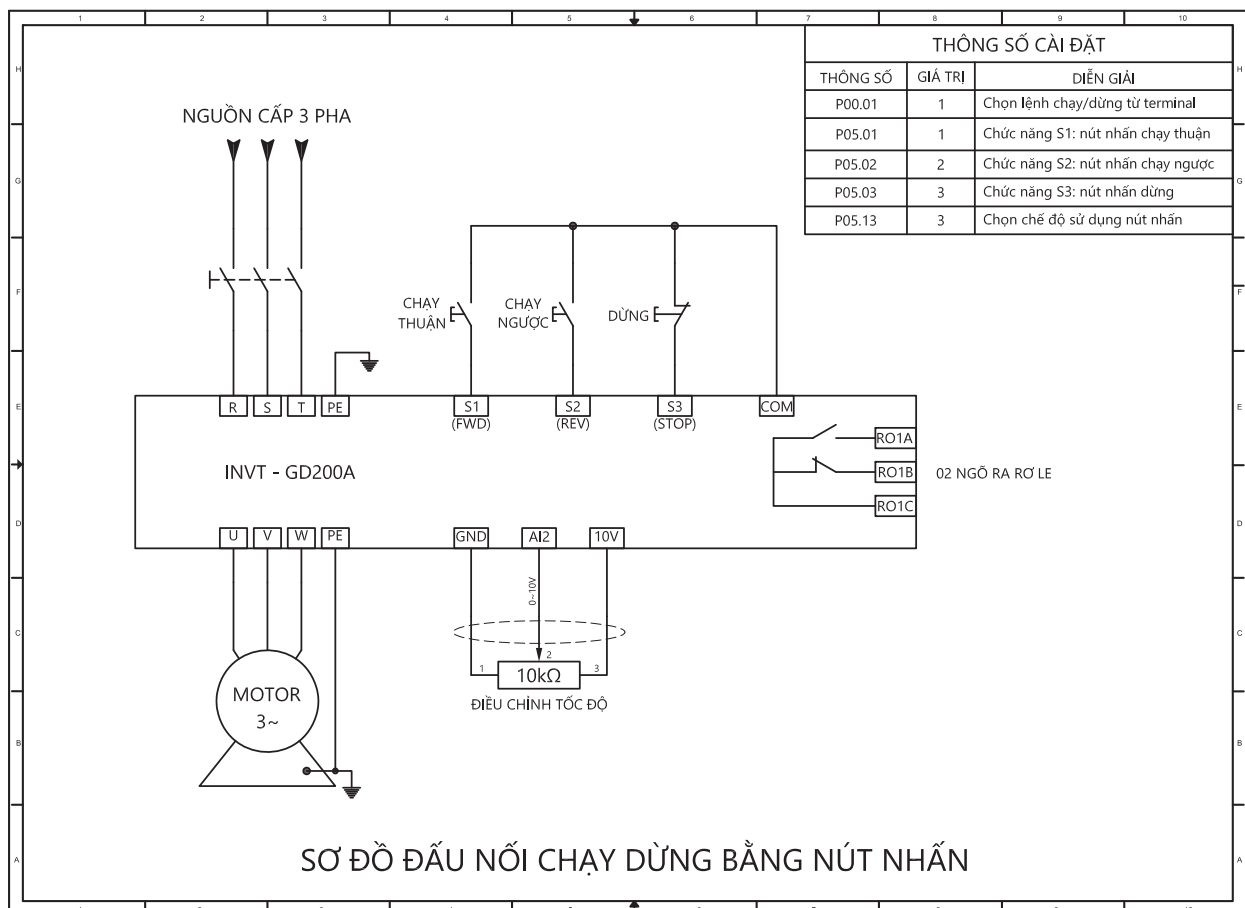
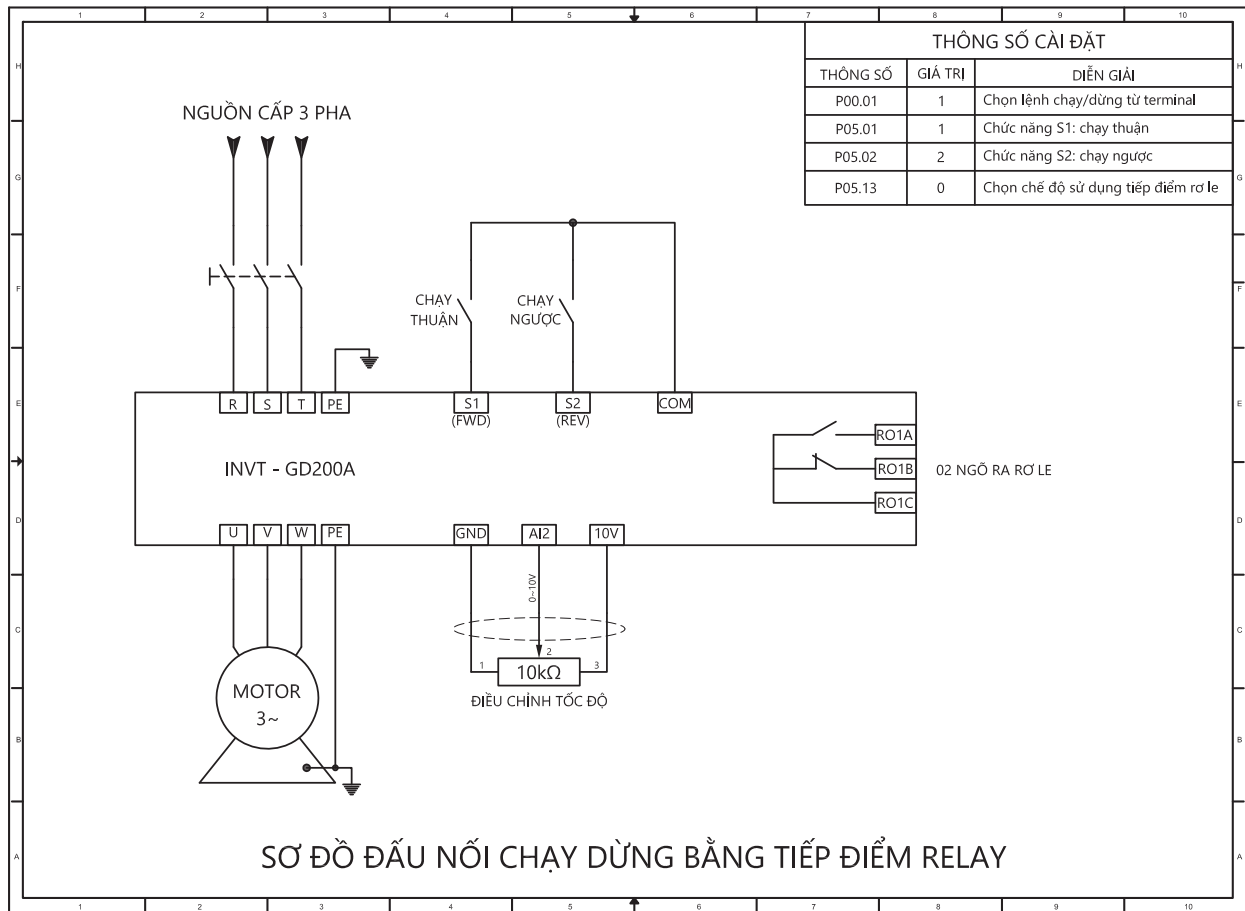
2. Cách nhập thông số

- Cách nhập thông số theo lưu đồ sau:



- Lưu ý:
 - Phím SHIFT dùng để thay đổi hiển thị của tần số đặt, tốc độ motor, cường độ dòng điện motor... (Các đèn trạng thái tương ứng với dữ liệu hiển thị).
 - Cài đặt lại thông số mặc định theo nhà sản xuất: **P00.18 = 1**

Tham khảo tài liệu GD200A series inverter để biết thêm rất nhiều chức năng khác.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT BIẾN TẦN INVT GD200A SERIES

Đặc Tính Kỹ Thuật		Thông Số
Nguồn điện vào	Điện áp ngõ vào (V)	3P, 220VAC ($\pm 15\%$), 1.5~55KW 3P, 400 VAC ($\pm 15\%$), 1.5~500KW
	Tần số ngõ vào (Hz)	47 ~ 63Hz
Nguồn điện ngõ ra	Điện áp ngõ ra (V)	0 ~ điện áp ngõ vào
Đặc tính điều khiển	Tần số ngõ ra (Hz)	0 ~ 400Hz
	Chế độ điều khiển	Vectorize V/F (SVPWM), Sensorless Vector (SVC), Torque control.
	Động cơ	Động cơ không đồng bộ
	Độ phân giải điều chỉnh tốc độ	1:100
	Sai số tốc độ	$\pm 0.2\%$, (SVC)
	Độ nhấp nhô điều khiển tốc độ	$\pm 0.3\%$, (SVC)
	Đáp ứng torque	≤ 20 ms (SVC)
	Sai số điều khiển torque	10 %, (SVC)
	Torque khởi động	150% giá trị danh định ở 0.5 Hz
	Khả năng quá tải	60s với 150% dòng định mức 10s với 180% dòng định mức 1s với 200% dòng định mức Mode P: 60s với 120% dòng định mức
	Độ phân giải ngõ vào analog	≤ 20 mV
	Độ phân giải ngõ vào số	≤ 2 ms
	Hãm động năng	Tích hợp bộ thắng với điện áp 380V (≤ 30 Kw).
	Chức năng bắt tốc độ	Khởi động êm đối với động cơ đang còn quay.
	Bộ lọc nhiễu	Tích hợp sẵn C3, tự chọn C2
	Truyền thông	Modbus RTU
Terminal	Ngõ vào số	08 ngõ, cài đặt được NO hay NC. Tích hợp timer.
	Ngõ vào xung tốc độ cao	01 ngõ vào nhận xung tần số cao, PNP và NPN
	Ngõ vào Analog	Ngõ AI2: 0 ~ 10V/ 0~20mA, Ngõ AI3: -10~10V.
	Ngõ ra số	RO1A-NO, RO1B-NC, RO1C- Common

		RO2A-NO, RO2B-NC, RO2C- Common Tích hợp timer.
	Ngõ ra Analog	AO1, AO2: 0/4~20mA hoặc 0~10V
	Ngõ ra opened collector	1 ngõ ra opened collector Tích hợp timer.
	Ngõ phát xung tốc độ cao	Ngõ HDO (ngõ ra ON – OFF hoặc ngõ ra xung tần số cao), tích hợp timer.
Chức năng bảo vệ	Bảo vệ khi xảy ra các sự cố như là quá dòng, áp cao, dưới áp, quá nhiệt, mất pha, lệch pha, đứt dây ngõ ra, quá tải v.v...	
Chức năng đặc biệt	Chức năng tự ổn áp (AVR)	Tự động ổn định điện áp ngõ ra khi điện áp nguồn cấp dao động bất thường.
	Chức năng chuyên dụng cho ngành sợi, dệt	Điều khiển tốc độ thay đổi theo chu trình cuộn sợi.
	Chức năng timer, counter	Bộ định thời và bộ đếm lập trình được
	Chức năng bù moment	Làm tăng đặc tính moment của điều khiển V/F khi động cơ làm việc ở tốc độ thấp.
	Chức năng simple water supply	Duy trì áp lực nước trong hệ thống bơm.
	Chức năng điều khiển thang	Thăng động năng, thăng kích từ
	Chức năng tiết kiệm điện	Tiết kiệm điện khi động cơ dư tải, nâng cao hệ số công suất của động cơ.
	Chức năng cân bằng tải	Khi nhiều động cơ cùng kéo một tải, chức năng này giúp cân bằng tải phân bố trên các động cơ bằng cách giảm tốc độ xuống dựa vào giá trị tăng lên của tải
	Chức năng giúp hệ thống hoạt động liên tục	Tự động reset lỗi theo số lần và thời gian đặt trước. Duy trì hoạt động khi bị mất điện thoáng qua và dải điện áp hoạt động rộng phù hợp với những nơi điện chập chờn.
	Chức năng kiểm tra, giám sát	Kết nối máy tính để giám sát quá trình hoạt động cũng như cài đặt thông số cho biến tần nhờ phần mềm INVT studio V1.0, HCM.